

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN GELEX
GELEX GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/ No.: 298 /2026/GELEX-CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 29, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission of Vietnam
- The Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX

Name of organization: GELEX Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán / Stock code: GEX

- Địa chỉ: Số 10 Trần Nguyên Hãn và số 27-29 phố Lý Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: No. 10 Tran Nguyen Han and Nos. 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

- E-mail: gelex@gelex.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX) trân trọng công bố: Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2026.

GELEX Group Joint Stock Company respectfully disclosure information: The Report on corporate governance for the first 6 months of the year 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn: <https://gelex.vn/doc-cat/cong-bo-thong-tin-2>

This information was published on the company's website on July 29, 2026, as in the link: <https://gelex.vn/en/document-cat/information-disclosure>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2026 /
The Report on corporate governance for the first 6 months of the year 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX
GELEX GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



Nguyễn Thị Phương

Nguyen Thi Phuong



Số/No: **64** /2026/GELEX-BC

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Hanoi, July 29th, 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng năm 2026) / (6 months of Year 2026)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
To: - The State Securities Commission;
- The Hochiminh Stock Exchange.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX (“GELEX”)**

*Name of company: **GELEX GROUP JOINT STOCK COMPANY (“GELEX”)***

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 Trần Nguyên Hãn và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Address of head office: No. 10 Tran Nguyen Han Street and No. 27–29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi.

- Điện thoại/Telephone: 024 39726245/6 Fax: 024 39726282 Email: gelex@gelex.vn

- Vốn điều lệ: 13.084.713.580.000 đồng tại thời điểm 30/06/2026.

Charter capital: 13,084,713,580,000 VND at 30/06/2026.

- Mã chứng khoán/Stock symbol: GEX

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”), Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) (có Ủy ban kiểm toán (“**UBKT**”) trực thuộc HĐQT), Tổng Giám đốc.

*Governance model: General Meeting of Shareholders (“**GMS**”), Board of Directors (“**BOD**”) (Audit Committee under the Board of Directors), General Director.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings and Resolutions/Decisions of the GMS (including the Resolutions of the GMS approved in the form of written voting):

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	02/2026/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ	01/04/2026 (họp ĐHĐCĐ thường niên/ Annual GMS)	- Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế bầu cử, Quy chế làm việc của Đại hội/ Approval of the List of Vote Counting Committee, the Meeting Agenda, the Election Regulations and the Working Regulations of the Annual GMS; - Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các Báo cáo sau/ Approval and ratification the full content of the following reports: • Báo cáo của Tổng Giám đốc (“TGD”) về kết quả kinh doanh năm 2025 và phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2026/ Report of General Director on the business operations in 2025 and the 2026 business plan; • Báo cáo hoạt động của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026/ Report of the BOD on the result of operation in 2025 and the 2026 strategic direction; • Báo cáo hoạt động và kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT Ông Nguyễn Trọng Hiền về hoạt động của HĐQT năm 2025/ Report on activities and evaluation results of an independent member of the BOD Mr. Nguyen Trong Hien regarding the activities of the BOD in 2025; • Báo cáo hoạt động và kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT Bà Nguyễn Thị Minh Giang về hoạt động của HĐQT năm 2025/ Report on activities and evaluation results of an independent member of the BOD Mrs. Nguyen Thi Minh Giang regarding the activities of the BOD in 2025; • Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT/ Report on the activities of the

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>Independent BOD Member within the Audit Committee.</i> - Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán) và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021 đã được kiểm toán/ <i>Approval of the 2025 audited Financial Statements (including the 2025 audited Separate Financial Statements and the 2025 audited Consolidated Financial Statements) and the audited Report on the use of offering shares to existing shareholders in 2021;</i> - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty/ <i>Approval of the profit distribution plan for the year 2025;</i> - Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025/ <i>Approval of the Plan for the issuance of shares to pay dividends for the year 2025;</i> - Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ <i>Approval of the Plan for the issuance of shares to increase charter capital from owners' equity;</i> - Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026/ <i>Approval of the key performance indicators for the year 2026;</i> - Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và nội dung khác liên quan/ <i>Approval of the selection of an independent auditing firm for the financial year 2026 and other related matters;</i> - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty/ <i>Approval of amendments and addition to certain business lines of the Company;</i> - Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty/ <i>Approval of the change of the Company's Head Office address;</i> - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT/

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			<i>Approval of the amendment and supplementation of the Charter, the Internal Corporate Governance Regulation and the Regulation on the Operation of the BOD;</i> - Thông qua Tờ trình số 20/2026/GELEX/TTr-HDQT về việc bầu cử thành viên HDQT nhiệm kỳ 2026-2031/ <i>Approval the Proposal No. 20/2026/GELEX/TTr-HDQT regarding the election of members of the BOD for the 2026-2031 term.</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ *Board of Directors (Semi-annual report)*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị/ *Information about the members of the Board of Directors:*

STT No.	Thành viên HDQT <i>Board of Directors' Members</i>	Chức vụ (thành viên HDQT độc lập, thành viên HDQT không điều hành) <i>Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>	Chủ tịch HDQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	01/04/2026	
2	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	Chủ tịch HDQT (Thành viên HDQT độc lập) <i>Chairman of the Board of Directors (Independent member of the Board of Directors)</i>	18/06/2020	01/04/2026
3	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	Phó Chủ tịch HDQT, Thành viên UBKT	01/04/2026	

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' Members</i>	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành) <i>Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
		(Thành viên HĐQT không điều hành) <i>Vice Chairman of the Board of Directors, Member of the Audit Committee (Non-executive member of the Board of Directors)</i>		
4	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT <i>Independent member of the Board of Directors, Chairman of the Audit Committee</i>	01/04/2026	
5	Ông Lê Bá Thọ <i>Mr. Le Ba Tho</i>	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>	01/04/2026	
6	Bà Nguyễn Thị Minh Giang <i>Ms. Nguyen Thi Minh Giang</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent member of the Board of Directors</i>	01/04/2026	

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Meetings of the Board of Directors (Semi-annual report):

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors'</i> <i>Members</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>	2/2	100%	
3	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	3/3	100%	
4	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	3/3	100%	
5	Ông Lê Bá Thọ <i>Mr. Le Ba Tho</i>	3/3	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Minh Giang <i>Ms. Nguyen Thi Minh Giang</i>	3/3	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc (đến 01/04/2026) và Tổng Giám đốc (Báo cáo 6 tháng)/ Supervising the Board of Management (until 01/04/2026) and General Director by the Board of Directors (Semi-annual report):

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám Đốc (“BTGD”) đến 01/04/2026, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của BTGD, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

The BOD has supervised the Board of Management (“BOM”) until 01/04/2026, General Director and managers in the following areas: implementation of the Resolutions of the GMS; execution of the BOD’s Resolutions and Decisions; management of the GELEX Group’s business activities; ensuring compliance with legal regulations and adherence to the GELEX Group’s Charter without affecting the proactivity and creativity of the BOM, General Director and managers.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/Activities of the Board of Directors’ subcommittees (Semi-annual report):

Ủy ban kiểm toán/ Audit Committee:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBKT đã giám sát, chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các công việc được giao theo kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026 được phê duyệt theo Nghị quyết số 56/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. Hoạt động cụ thể của UBKT được nêu tại Mục III của Báo cáo này.

In the first 6 months of 2026, the Audit Committee supervised and directed the Internal Audit Department in performing assigned tasks according to the 2026 Internal Audit plan approved under Resolution No. 56/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025. The specific activities of the Audit Committee are outlined in Section III of this Report.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report):

Vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm/ Please see the Annex 1 attached

III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng)/ Audit Committee (Semi-annual report)

1. Thông tin về thành viên UBKT/ Information about members of Audit Committee:

GELEX đã bổ nhiệm các nhân sự UBKT phù hợp với quy định pháp luật/ GELEX has appointed members to the Audit Committee in accordance with legal regulations.

STT No.	Thành viên UBKT Members of Audit Committee	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT The date becoming/ceasing to be the member of the Audit Committee		Trình độ chuyên môn Qualification
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal	
1	Ông Đậu Minh Lâm Mr. Dau Minh Lam	Chủ tịch UBKT Chairman of the Audit Committee	01/04/2026		Thạc sỹ Tài chính ngân hàng Master of Banking and Finance
2	Ông Lương Thanh Tùng Mr. Luong Thanh Tung	Thành viên UBKT Member of the Audit Committee	01/04/2026		Kỹ sư Kinh tế xây dựng Construction Economics Engineer

2. Cuộc họp của UBKT (Báo cáo 6 tháng)/ *Meetings of Audit Committee (Semi-annual report):*

STT No.	Thành viên UBKT <i>Members of Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	1	100%	100%	
2	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	1	100%	100%	

Các cuộc họp UBKT được diễn ra theo đúng quy định tại Quy chế hoạt động UBKT đã ban hành/ *The Audit Committee meetings are conducted in accordance with the regulations outlined in the issued Audit Committee's Operating Charter.*

3. Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (đến 01/04/2026), Tổng Giám đốc và cổ đông (Báo cáo 6 tháng)/ *Supervising Board of Directors, Board of Management (until 01/04/2026), General Director and shareholders by Audit Committee (Semi-annual report):*

Về hoạt động của UBKT: Hoạt động của UBKT tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan đồng thời vận dụng thông lệ quốc tế trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Tập đoàn. Một số hoạt động trọng tâm của UBKT trong 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Regarding the activities of the Audit Committee: The activities of the Audit Committee complied with the Operating Charter that has been issued, relevant legal regulations, and international best practices, while aligning with the needs and current operational situation of the Group. Some key activities of the Audit Committee in the first 6 months of 2026 as following:

- Rà soát các giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ được thực hiện tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với các quy định nội bộ của GELEX/ *Reviewing related-party transactions under the approval authority of the BOD or the GMS are conducted in compliance with legal regulations and in accordance with GELEX's internal regulations;*
- Giám sát tính trung thực của Báo cáo tài chính, nâng cao chất lượng của báo cáo tài chính được công bố định kỳ của GELEX/ *Monitoring the accuracy of financial statements and enhancing the quality of GELEX's periodic financial reports;*
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trong 6 tháng đầu năm 2026 theo Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026 được HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 56/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025/ *Directing and overseeing the activities of the Internal Audit Department during the first 6 months of 2026 in line with the 2026 Internal Audit Plan, approved by the BOD in Resolution No. 56/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025;*

- Góp ý tư vấn cho Ban Kiểm toán nội bộ về các vấn đề chuyên môn khác/ *Providing advisory feedback to the Internal Audit Department on other professional issues;*
- Đề xuất công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao kiểm toán độc lập để HĐQT thông qua/ *Proposing the independent audit firm and audit fees for BOD approval.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (đến 01/04/2026), Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Audit Committee, the Board of Directors (until 01/04/2026), General Director, the Board of Management and other managers:*

UBKT đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BTGD (đến 01/04/2026), Tổng Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của UBKT. UBKT được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận khác có liên quan đến của công việc UBKT.

The Audit Committee has closely coordinated with the BOD, the BOM (until 01/04/2026), General Director, and functional departments in inspection and supervision activities, while maintaining its independence in fulfilling its duties and responsibilities. The Audit Committee is provided with all necessary documents, records, and meeting minutes from the BOD and other relevant departments related to the Audit Committee's work.

5. Hoạt động khác của Ủy ban kiểm toán (nếu có)/ *Other activities of the Audit Committee (if any):*
Không/*None.*

IV. Ban điều hành / *Board of Management*

STT <i>No.</i>	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày/tháng/năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>	06/03/1984	Cử nhân Luật Kinh tế, Cử nhân Tài chính - Ngân hàng <i>Bachelor of Economic Law, Bachelor of Banking and Finance</i>	Miễn nhiệm vị trí Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026/ <i>Dismissed General Director from 01/04/2026</i>
2	Ông Lê Tuấn Anh <i>Mr. Le Tuan Anh</i>	18/12/1994	Cử nhân Kế toán <i>Bachelor of Accounting</i>	Bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026/ <i>Appointed General Director from 01/04/2026</i>

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày/tháng/năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management</i>
3	Ông Nguyễn Hoàng Long <i>Mr. Nguyen Hoang Long</i>	29/01/1977	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế và Tài chính <i>Master of International Economics and Finance</i>	Miễn nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026/ <i>Dismissed Deputy General Director from 01/04/2026</i>
4	Ông Nguyễn Trọng Trung <i>Mr. Nguyen Trong Trung</i>	13/08/1982	Cử nhân Quản trị kinh doanh <i>Bachelor of Business Administration</i>	Miễn nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026/ <i>Dismissed Deputy General Director from 01/04/2026</i>
5	Ông Bùi Đăng Khoa <i>Mr. Bui Dang Khoa</i>	26/12/1984	Cử nhân Kinh tế quốc tế <i>Bachelor of International Economics</i>	Bổ nhiệm ngày 10/04/2024/ <i>Appointed on 10/04/2024</i>
6	Ông Hoàng Hưng <i>Mr. Hoang Hung</i>	09/09/1983	Cử nhân Kế toán Tài chính <i>Bachelor of Financial Accounting</i>	Bổ nhiệm ngày 05/01/2022/ <i>Appointed on 05/01/2022</i>

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày/tháng/năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Ông Hoàng Hưng <i>Mr. Hoang Hung</i>	09/09/1983	Cử nhân Kế toán Tài chính <i>Bachelor of Financial Accounting</i>	Bổ nhiệm ngày 05/01/2022/ <i>Appointed on 05/01/2022</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty (Báo cáo 6 tháng)/ *Training courses on corporate governance (Semi-annual report)*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý, CBNV công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty, gồm: *Training courses on corporate governance were involved by members of BOD, the Audit Committee, General Director, other managers and employees in accordance with regulations on corporate governance:*

- Ngày 22-23/01/2026: Workshop Quản trị văn hóa doanh nghiệp - Tinh thông các cuộc hội thoại then chốt;
22-23/01/2026: Workshop "Corporate Culture Management – Mastering Crucial Conversations";
- Ngày 03/02/2026: Lễ công bố Bộ quy tắc quản trị công ty 2026;
03/02/2026: Launch Ceremony of the 2026 Vietnam Corporate Governance Code;
- Ngày 10/03/2026: Diễn đàn Mùa Đại hội cổ đông 2026: Tuân thủ hay Bứt phá - Hiệu quả hay Bền vững;
10/03/2026: Forum "2026 Annual General Meeting Season: Compliance or Breakthrough – Efficiency or Sustainability";
- Ngày 04/03/2026: Hội nghị lãnh đạo Newing 2026;
04/03/2026: Newing Leadership Summit 2026;
- Ngày 05/03/2026: Khóa học “Lãnh đạo và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo”;
05/03/2026: Course "Leadership and Building a Culture of Innovation";
- Ngày 04/02/2026: Khóa học “Dẫn dắt và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo”;
04/02/2026: Course "Leading and Building a Culture of Innovation";
- Từ ngày 13/05/2026 đến ngày 15/05/2026: Hội thảo “Cơ hội, chiến lược và năng lực trong kỷ nguyên AI”;
13-15/05/2026: Workshop "Opportunities, Strategies, and Capabilities in the Age of AI";
- Ngày 26/06/2026: Hội thảo “Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp với cảm xúc tích cực”;
26/06/2026: Workshop "Building Corporate Culture with Positive Emotions";
- Từ tháng 01/2026 đến tháng 06/2026: Diễn đàn Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.
From 01/2026 to 06/2026: Chief Accountant and Chief Financial Officer Forum.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company*

Vui lòng xem Phụ lục 2 đính kèm/ *Please see the Annex 2 attached*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*

Vui lòng xem Phụ lục 3 đính kèm/ *Please see the Annex 3 attached*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*

Vui lòng xem Phụ lục 4 đính kèm/ *Please see the Annex 4 attached*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of BOD, the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers have been founding members or members of BOD, or Director (General Director) in three (03) latest years (as of the report date).*

Vui lòng xem Phụ lục 5 đính kèm/ Please see the Annex 5 attached

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of BOD, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of BOD, Director (General Director or CEO): Không có/ None*

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of BOD, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/ None*

VIII Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*

Vui lòng xem Phụ lục 6 đính kèm/ Please see the Annex 6 attached

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:*

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
1	Nguyễn Văn Tuấn Nguyen Van Tuan	Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors (**)	213.229.792	23,63%	309.183.198	23,63%	Cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu và cổ phiếu từ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ 2025 dividend share and shares issued for increasing capital from owners' equity (*)
2	Lê Bá Thọ Le Ba Tho	Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the BOD	840.000	0,09%	1.218.000	0,09%	
3	Lương Thanh Tùng Luong Thanh Tung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên UBKT/ Vice Chairman of the BOD cum Member of the Audit Committee	2.671.200	0,30%	3.873.240	0,30%	
4	Đậu Minh Lâm Dau Minh Lam	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT/ Independent member of the BOD cum Chairman of the Audit Committee	840.000	0,09%	1.218.000	0,09%	

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
5	Lê Tuấn Anh Le Tuan Anh	Tổng Giám đốc/ General Director (***)	286.650	0,03%	415.642	0,03%	Cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu và cổ phiếu từ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ 2025 dividend share and shares issued for increasing capital from owners' equity (*)
6	Bùi Đăng Khoa Bui Dang Khoa	Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ Director of the Finance and Accounting Department	110.260	0,01%	163.937	0,01%	
7	Nguyễn Thị Phương Nguyen Thi Phuong	Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized Information Disclosure Officer (****)	144.480	0,02%	136.416	0,01%	
8	Đào Thị Lơ Dao Thi Lo	Người liên quan của ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT/ Affiliated person of Mr. Nguyen Van Tuan – Chairman of of the Board of Directors (**)	39.467.998	4,37%	57.228.596	4,37%	

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
9	Công đoàn CTCP Tập đoàn GELEX Trade Union of GELEX Group JSC.	Công đoàn/ Trade Union	1.288.229	0,14%	1.867.931	0,14%	Cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu và cổ phiếu từ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ 2025 dividend share and shares issued for increasing capital from owners' equity (*)

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
10	Hoàng Hưng Hoang Hung	Kế toán trưởng/ Chief Accountant	56.000	0,01%	80.375	0,01%	Cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu và cổ phiếu từ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và mua cổ phiếu (giá trị giao dịch từng lần không đạt ngưỡng giá trị phải công bố thông tin và báo cáo thực hiện trong ngày hoặc trong từng tháng)/ 2025 dividend share and shares issued for increasing capital from owners' equity and share purchase (the value of each individual transaction does not reach the threshold that triggers information disclosure nor same-day or monthly reporting requirements)

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
11	Lương Hồng Nhung Luong Hong Nhung	Người liên quan của ông Lương Thanh Tùng - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên UBKT/ Affiliated person of Mr. Luong Thanh Tung - Vice Chairman of the BOD cum Member of the Audit Committee	1.050	0,00%	362	0,00%	Cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu và cổ phiếu từ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và bán cổ phiếu (giá trị giao dịch từng lần không đạt ngưỡng giá trị phải công bố thông tin và báo cáo thực hiện trong ngày hoặc trong từng tháng)/ 2025 dividend share and shares issued for increasing capital from owners' equity and share sales (the value of each individual transaction does not reach the threshold that triggers information disclosure nor same-day or monthly reporting requirements)

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
12	Đoàn Thị Hoài Thu Doan Thi Hoai Thu	Người liên quan của ông Bùi Đăng Khoa - Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ Affiliated person of Mr. Bui Dang Khoa - Director of the Finance and Accounting Department	8.505	0,00%	5.510	0,00%	Cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu và cổ phiếu từ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và bán cổ phiếu (giá trị giao dịch từng lần không đạt ngưỡng giá trị phải công bố thông tin và báo cáo thực hiện trong ngày hoặc trong từng tháng)/ 2025 dividend share and shares issued for increasing capital from owners' equity and share sales (the value of each individual transaction does not reach the threshold that triggers information disclosure nor same-day or monthly reporting requirements)

(*) Các giao dịch phát sinh dẫn đến thay đổi (tăng) số lượng cổ phiếu nắm giữ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ nêu trên do được hưởng cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty/ *The transactions arising leading to changes (increases) in the number of shares held by internal person and internal person's affiliated person above due to receiving shares from the Company's 2025 dividend and shares issued for increasing capital from owners' equity.*

(**) Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, đồng thời không còn là Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2026/ *Mr. Nguyen Van Tuan is the Member of the BOD, Chairman of the BOD and no longer the General Director of the Company from 01/04/2026.*

(***) Ông Lê Tuấn Anh là Tổng Giám đốc của Công ty kể từ ngày 01/04/2026/ *Mr. Le Tuan Anh is the General Director of the Company from 01/04/2026.*

(****) Bà Nguyễn Thị Phương được bổ nhiệm là Người được ủy quyền Công bố thông tin kể từ ngày 02/04/2026/ *Ms. Nguyen Thi Phuong is appointed to be the Authorized Information Disclosure Officer from 02/04/2026.*

IX Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues: Không/ None*

CHỦ TỊCH HĐQT

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



(Ký tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Nguyễn Văn Tuấn

Nguyen Van Tuan

PHỤ LỤC 1/ ANNEX I

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01/2026/GELEX/NQ-HĐQT	22/01/2026	Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 <i>Plan for the organization of the 2026 Annual GMS</i>	100%
2	02/2026/GELEX/NQ-HĐQT	27/01/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 04/2026/ĐDV- VBXYK của những NDDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 04/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
3	03/2026/GELEX/NQ-HĐQT	02/02/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 02/2026/ĐDV- VBXYK của những NDDV của GELEX tại Điện lực GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 02/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	100%
4	04/2026/GELEX/NQ-HĐQT	02/02/2026	Điều chỉnh hạn mức giao dịch tại một số Nghị quyết của HĐQT <i>Amendment to transaction limits under certain Resolutions of the BOD</i>	100%
5	05/2026/GELEX/NQ-HĐQT	05/02/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 08/2026/ĐDV- VBXYK của những NDDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 08/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	
6	06/2026/GELEX/NQ-HĐQT	12/02/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 07/2026/ĐDV- VBXYK của những NDDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 07/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
7	07/2026/GELEX/NQ-HĐQT	24/02/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 10A/2026/ĐDV- VBXYK của những NDDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 10A/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
8	08/2026/GELEX/NQ-HĐQT	04/03/2026	Duyệt chương trình và nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2026 <i>Approval of the agenda and meeting materials for the 2026 Annual GMS of the Company</i>	100%
9	09/2026/GELEX/NQ-HĐQT	09/03/2026	Thông qua việc sửa đổi tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty <i>Approval of amendments to the materials for the 2026 Annual GMS of the Company</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
10	10/2026/GELEX/NQ-HĐQT	11/03/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 13/2026/ĐDV- VBXYK của những NĐDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 13/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
11	11/2026/GELEX/NQ-HĐQT	16/03/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 15/2026/ĐDV- VBXYK của những NĐDV của GELEX tại Điện lực GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 15/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	100%
12	12/2026/GELEX/NQ-HĐQT	19/03/2026	Cho ý kiến đối với Báo cáo số 116/2026/GELEX/BC-TGD ngày 12/03/2026 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX <i>Providing opinions on Report No. 116/2026/GELEX/BC-TGD dated 12/03/2026 submitted by the General Director of GELEX Group JSC.</i>	100%
13	13/2026/GELEX/NQ-HĐQT	20/03/2026	Phê duyệt Báo cáo danh sách ứng viên hợp lệ để bầu Thành viên HĐQT GELEX nhiệm kỳ 2026-2031 <i>Approval of the Report on the list of eligible candidates for the election of members to the BOD of GELEX for the term 2026-2031</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
14	14/2026/GELEX/NQ-HĐQT	01/04/2026	Bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT <i>Appointment of the Chairman of BOD, Vice Chairman of BOD</i>	100%
15	15/2026/GELEX/NQ-HĐQT	01/04/2026	Bổ nhiệm nhân sự Ủy ban kiểm toán <i>Appointment of personnel for the Audit Committee</i>	100%
16	16/2026/GELEX/NQ-HĐQT	01/04/2026	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX <i>Appointment of the General Director and change of the legal representative of GELEX Group JSC.</i>	100%
17	17/2026/GELEX/NQ-HĐQT	01/04/2026	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX <i>Dismissal from the position of Deputy General Director GELEX Group JSC.</i>	100%
18	18/2026/GELEX/NQ-HĐQT	08/04/2026	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu <i>Implementation of the plan for share issuance for 2025 dividend payment and the plan for share issuance to increase share capital from owner's equity</i>	100%
19	19/2026/GELEX/NQ-HĐQT	17/04/2026	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc nhận cổ tức 2025 bằng cổ phiếu và nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Approval of the finalization of the list of shareholders for the distribution of the 2025 dividend in the form of shares and to receive shares issued to increase share capital from owner's equity</i>	
20	20/2026/GELEX/NQ-HĐQT	17/04/2026	Chi Quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành <i>Disbursement of the Bonus Fund to the BOD and the BOM</i>	100%
21	21/2026/GELEX/NQ-HĐQT	29/04/2026	Chương trình/Kế hoạch hoạt động của HĐQT (nhiệm kỳ 2026-2031) năm 2026 đến kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2027 <i>Approval of the BOD's operating program/plan for 2026 (term 2026–2031) until the 2027 Annual GMS</i>	100%
22	22/2026/GELEX/NQ-HĐQT	12/05/2026	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2025 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và các nội dung liên quan <i>Approval of the results of the share issuance for 2025 dividend distribution and share issuance to increase share capital from owner's equity</i>	100%
23	23/2026/GELEX/NQ-HĐQT	13/05/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 20/2026/ĐDV- VBXYK của những NĐDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 20/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
24	24/2026/GELEX/NQ-HĐQT	18/05/2026	Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh Hoàn Kiếm và Chi nhánh Hai Bà Trưng <i>Changing the registered business lines of Hoan Kiem Branch and Hai Ba Trung Branch</i>	100%
25	25/2026/GELEX/NQ-HĐQT	18/05/2026	Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký doanh nghiệp do thay đổi Vốn điều lệ và Điều chỉnh nội dung Điều lệ của GELEX <i>Registering amendments to enterprise registration information due to changes in charter capital and revising relevant provisions of GELEX's Charter</i>	100%
26	26/2026/GELEX/NQ-HĐQT	28/05/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 22/2026/ĐDV- VBXYK của những NĐDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 22/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
27	27/2026/GELEX/NQ-HĐQT	04/06/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 23/2026/ĐDV- VBXYK của những NĐDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 23/2026/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
28	28/2026/GELEX/NQ-HĐQT	05/06/2026	Cập nhật Tuyên ngôn Khẩu vị rủi ro và Thước đo rủi ro của GELEX và Định hướng cho Tuyên ngôn Khẩu vị rủi ro của 2 Sub	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Updating GELEX's Risk Appetite Statement and Risk Metrics, and providing orientations for the Risk Appetite Statements of the two subsidiaries</i>	
29	29/2026/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2026	Sửa đổi, bổ sung Hệ thống phân quyền của HĐQT <i>Amendments and supplements of the BOD's Delegation of Authority Framework</i>	100%
30	30/2026/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2026	Ban hành Quy chế Người đại diện vốn của GELEX tại các Doanh nghiệp <i>Issuance of the Regulation on GELEX's Capital Representatives at Enterprises</i>	100%
31	31/2026/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2026	Sửa đổi, bổ sung Sơ đồ tổ chức <i>Amendments and supplements to the organizational structure</i>	100%
32	32/2026/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2026	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quy trình Quy chế Kiểm toán nội bộ <i>Amendments and supplements of the Internal Audit Policy and Internal Audit Process</i>	100%
33	33/2026/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2026	Phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026 <i>Approval of independent audit firm for the 2026 fiscal year</i>	100%
34	34/2026/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2026	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT <i>Assignment of duties to members of BOD</i>	100%
35	35/2026/GELEX/NQ-HĐQT	30/06/2026	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 25/2026/ĐDV- VBXYK của những	100%

STT <i>No.</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			NĐDV của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Providing opinions on Document Requesting Opinion No. 25/2026/ĐDDV- VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	

PHỤ LỤC 2/ ANNEX 2

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/ THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
				Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
1.	Ông Nguyễn Trọng Hiền Mr. Nguyen Trong Hien		Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)/ Chairman of the BOD (Independent member of the BOD) (*)					18/06/2020	01/04/2026	Kết thúc nhiệm kỳ HĐQT 2021-2026 và không tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031/ Due to the end of the term 2021-2026 and not participating in the BOD for the term 2026-2031	(*) Ông Nguyễn Trọng Hiền không còn là Người nội bộ của Công ty do không còn là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2026/ Mr. Nguyen Trong Hien is no longer the Internal person of the Company due to no longer Chairman of the BOD, Member of the BOD

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											from 01/04/2026
2.	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>		Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the BOD</i> (*)					16/07/2016			Người nội bộ của Công ty và là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của GELEX/ <i>Internal person of the company and a shareholder owning over 10% of GELEX's shares</i> (*) Ông Nguyễn Văn Tuấn được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT, đồng thời không còn là Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2026/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											Mr. Nguyen Van Tuan is appointed to be Chairman of the BOD and no longer General Director from 01/04/2026
3.	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>		Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên UBKT/ <i>Vice Chairman of the BOD, Member of the Audit Committee</i>					18/06/2020			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
4.	Ông Lê Bá Thọ <i>Mr. Le Ba Tho</i>		Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Vice Chairman of the BOD</i>					21/04/2022			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
5.	Ông Đậu Minh Lâm		Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch					18/06/2021			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Mr. Dau Minh Lam		UBKT/ Independent member of the BOD cum Chairman of the Audit Committee								person of the Company
6.	Bà Nguyễn Thị Minh Giang <i>Ms. Nguyen Thi Minh Giang</i>		Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Member of the BOD					27/03/2025			Người nội bộ của Công ty/ Internal person of the Company
7.	Ông Lê Tuấn Anh <i>Mr. Le Tuan Anh</i>		Tổng Giám đốc/ General Director (*)					23/05/2024			Người nội bộ của công ty/ Internal person of the Company (*) Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026. Bên cạnh đó, ông Lê Tuấn Anh không

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											còn là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ 02/04/2026/ <i>Mr. Le Tuan Anh is appointed to be the General Director from 01/04/2026. In addition, Mr. Le Tuan Anh is no longer the Authorized Information Disclosure Officer from 02/04/2026</i>
8.	Ông Nguyễn Hoàng Long <i>Mr. Nguyen Hoang Long</i>		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>					01/01/2024	01/04/2026	Miễn nhiệm/ <i>Dismissal</i>	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là người nội bộ của Công ty từ ngày 01/04/2026/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											Mr. Nguyen Hoang Long is no longer the Internal person of the Company from 01/04/2026
9.	Ông Nguyễn Trọng Trung <i>Mr. Nguyen Trong Trung</i>		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>					01/01/2024	01/04/2026	Miễn nhiệm/ <i>Dismissal</i>	Ông Nguyễn Trọng Trung không còn là người nội bộ của Công ty từ ngày 01/04/2026/ <i>Mr. Nguyen Trong Trung is no longer the Internal person of the Company from 01/04/2026</i>
10.	Ông Bùi Đăng Khoa <i>Mr. Bui Dang Khoa</i>		Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ <i>Director of the Finance and</i>					10/04/2024			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
				Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
			Accounting Department								
11.	Ông Hoàng Hưng Mr. Hoang Hung		Kế toán trưởng/ Chief Accountant					05/01/2022			Người nội bộ của công ty/ Internal person of the Company
12.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen		Người phụ trách quản trị công ty/ Corporate Governance Officer					14/11/2025			Người nội bộ của công ty/ Internal person of the Company
13.	Bà Nguyễn Thị Phương Ms. Nguyen Thi Phuong		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized Information Disclosure Officer (*)					02/04/2026		Bổ nhiệm/ Appointed	Người nội bộ của công ty/ Internal person of the Company (*) Bà Nguyễn Thị Phương được bổ nhiệm là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ ngày

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											02/04/2026/ Ms. Nguyen Thi Phuong is appointed to be the Authorized Information Disclosure Officer from 02/04/2026
14.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ <i>GELEX Electricity JSC.</i>	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	26/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
15.	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam/ <i>Vietnam Electric Cable Corporation</i>	003C300060 072C003003		0300381564	13/01/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ <i>70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Gon Ward, Ho Chi Minh City				
16.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ <i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC.</i>	072C066888		0100100456	07/01/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance.</i>	Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà Nội/ <i>Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
17.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ <i>Electrical Equipment JSC.</i>	005C222279 072C001210 021C253826		3600253826	04/01/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ <i>Department of Planning and Investment of Dong Nai Province</i>	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai/ <i>Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
18.	Công ty dây đồng Việt Nam CFT/ <i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>			3600241669	14/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ <i>Dong Nai Provincial Department of Finance</i>	Đường D3-3, KCN Long Đức, Xã Bình An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ <i>D3-3 Street, Long</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Duc Industrial Park, Binh An Commune, Dong Nai Province, Vietnam				
19.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ <i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>			0108453005	27/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
20.	Công ty TNHH Công nghiệp vật liệu GELEX (tên cũ là Công ty TNHH Phát điện GELEX) / <i>GELEX Material Industry Co., Ltd. (Formerly known as GELEX</i>			0107919237	14/05/2026	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Power Generation Co., Ltd.)										
21.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.			3603058326	28/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Dong Nai Provincial Department of Finance	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 1, Long Thanh Industrial Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế/ The business has ceased operations but the procedures for terminating the tax identification number have not yet been completed
22.	Công ty TNHH MTV			2301270370	21/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc	Lô D 1-3 Khu công nghiệp				Công ty con gián tiếp/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	CADIVI Miền Bắc/ <i>CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.</i>					Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Lot D 1-3, Dai Dong Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				<i>Indirect subsidiary</i>
23.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/ <i>MEE Power Transformer Manufacturing JSC.</i>	021C938833 026C093009		0106061404	15/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 69, tổ 15, xã Phúc Thịnh, Hà Nội/ <i>No. 69, Group 15, Phuc Thinh Commune, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
24.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ <i>GELEX Electricity Trading JSC.</i>			0109975082	14/03/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street,</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Hai Ba Trung Ward, Hanoi				
25.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên/ <i>GELEX Hung Yen Electricity Trading JSC.</i>			0110199765	17/01/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
26.	Công ty TNHH Gelex Technology/ <i>Gelex Technology Company Ltd.</i>			0111088088	11/11/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ 23 Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
27.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX Infrastructure JSC.</i>	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368		0107652657	02/07/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>GELEX</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
		105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222					Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				
28.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ <i>Song Da Water Investment JSC.</i>	0001220014 (VN Direct) 021C228915		5400310164	14/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ <i>Vat Lai Hamlet, Thịnh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
29.	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.</i>	072C003236		3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ <i>3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67, Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City</i>	21/03/2025			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
30.	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ <i>Titan Hai Phong JSC.</i>			0202280462	09/02/2026	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ <i>No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban</i>	11/09/2025			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Area, Ngõ Quyen Ward, Hai Phong City				
31.	Công ty TNHH Phát triển GELEX / <i>GELEX Development Co., Ltd.</i>			0319587551	08/06/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Tầng 8, Tòa nhà CADIVI, số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ <i>8th Floor, CADIVI Tower, No. 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	08/06/2026			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
32.	Công ty TNHH FIH (Vietnam)/ <i>FIH (Vietnam) Co., Ltd.</i>			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	20/08/2025	19/06/2026	Không còn là công ty con gián tiếp do Công ty CP. Hạ tầng GELEX đã thoái phần lớn vốn	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										dẫn đến sở hữu dưới 50% phần vốn biểu quyết tại Công ty này/ <i>No longer an indirect subsidiary as GELEX Infrastructure JSC. has divested a majority of its capital, resulting in ownership of less than 50% of the voting shares in this company</i>	
33.	Công ty TNHH G&F Residence/ G&F			0319127272	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City</i>	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 70-	25/08/2025	19/06/2026	Không còn là công ty con gián tiếp do Công ty	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	<i>Residence Co., Ltd.</i>					<i>Department of Finance</i>	<i>72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>			CP. Hạ tầng GELEX đã thoái phần lớn vốn tại Công ty TNHH FIH (Vietnam) dẫn đến sở hữu dưới 50% phần vốn biểu quyết tại Công ty này/ <i>No longer an indirect subsidiary as GELEX Infrastructure JSC. has divested a majority of its capital in FIH (Vietnam) Co., Ltd., resulting in ownership</i>	

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										of less than 50% of the voting shares in this company	
34.	Công ty TNHH FPMS (Vietnam)/ FPMS (Vietnam) Co., Ltd.			0319217952	15/10/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	15/10/2025	19/06/2026	Không còn là công ty con gián tiếp do Công ty CP. Hạ tầng GELEX đã thoái phần lớn vốn tại Công ty TNHH FIH (Vietnam) dẫn đến sở hữu dưới 50% phần vốn biểu quyết tại Công ty này/ No longer an indirect subsidiary	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										as GELEX Infrastructure JSC. has divested a majority of its capital in FIH (Vietnam) Co., Ltd., resulting in ownership of less than 50% of the voting shares in this company	
35.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang/ Kim Trang Materials Import-Export JSC.			0202260360	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ Hai Phong City Department of Finance	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City	06/11/2025	19/06/2026	Không còn là công ty con gián tiếp do Công ty CP. Hạ tầng GELEX đã thoái phần lớn vốn tại Công ty TNHH	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										FIH (Vietnam) dẫn đến sở hữu dưới 50% phần vốn biểu quyết tại Công ty này/ <i>No longer an indirect subsidiary as GELEX Infrastructure JSC. has divested a majority of its capital in FIH (Vietnam) Co., Ltd., resulting in ownership of less than 50% of the voting shares in this company</i>	

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
36.	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ <i>Viglacera Corporation – JSC.</i>	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ <i>16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
37.	Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu/ <i>Dap Cau Glass JSC.</i>			2300100471	13/05/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province</i>	Khu Cỏ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
38.	Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera/			2300893252	28/11/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Department of Planning and</i>	Khu Cỏ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Co</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	<i>Viglacera Glass Erection One Member Co., Ltd.</i>					<i>Investment of Bac Ninh Province</i>	<i>Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				
39.	Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải/ <i>Viglacera Van Hai JSC.</i>			5700101154	20/02/2025	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province</i>	Thôn Sơn Hào, Đặc khu Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ <i>Son Hao Hamlet, Van Don Special Administrative Zone, Quang Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
40.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera/ <i>Viglacera Mineral JSC.</i>			5200284005	17/04/2022	Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái/ <i>Department of Planning and Investment of Yen Bai Province</i>	Tổ dân phố Văn Quỳ, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai/ <i>Van Quy Residential Group, Van Phu Ward, Lao Cai Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
41.	Công ty Cổ phần Việt Tri Viglacera/ <i>Viglacera Viet Tri JSC.</i>			2600310134	10/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Phố Hồng Hà, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ/ <i>Hong Ha Street, Thanh Mieu Ward, Phu Tho Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
42.	Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì/ <i>Viglacera Thanh Tri Sanitary Ware JSC.</i>			0100107557	17/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội/ <i>Nguyen Khoai Street, Vinh Hung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
43.	Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera/ <i>Viglacera Trading JSC.</i>			0102640785	09/01/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>1st Floor, Viglacera Building, No.</i>		26/06/2026	Không còn là Công ty con gián tiếp do đã sáp nhập vào Công ty TNHH Thiết bị vệ sinh Viglacera/ <i>No longer</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>



TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							1 Tháng Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam			an indirect subsidiary as it has merged into Viglacera Sanitary Ware One Member Co., Ltd.	
44.	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long/ Viglacera Thang Long JSC.			2500224026	24/11/2025	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ/ Phu Tho Provincial Department of Finance	Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ/ Phuc Yen Ward, Phu Tho Province		30/03/2026	Không còn là Công ty con gián tiếp do đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn/ No longer an indirect subsidiary as it has merged into Viglacera Tien Son JSC.	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
45.	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn/ <i>Viglacera Tien Son JSC.</i>			2300317851	30/03/2026	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Tien Son Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
46.	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội/ <i>Viglacera Hanoi JSC.</i>			0100774247	19/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1, đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội/ <i>15th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>		30/03/2026	Không còn là Công ty con gián tiếp do đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn/ <i>No longer an indirect subsidiary as it has merged into Viglacera Tien Son JSC.</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
47.	Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera/ <i>Viglacera Aeration Concrete JSC.</i>			2300533002	08/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Yen Phong Industrial Park, Yen Phong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
48.	Công ty TNHH Kinh doanh Gạch Ốp lát (trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera)/ <i>Viglacera Ceramic Tiles Trading Co., Ltd. (Formerly known as</i>			0105908818	22/06/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>2nd Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward,</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Viglacera Ceramic Tiles Trading JSC.)						Hanoi, Vietnam				
49.	Công ty Cổ phần Bao bì và má phanh Viglacera/ Viglacera Packaging & Brake Linings JSC.			0100106948	06/04/2022	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Số 676 Hoàng Hoa Thám, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 676 Hoang Hoa Tham Street, Tay Ho Ward, Hanoi, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
50.	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long/ Viglacera Ha Long JSC.			5700101147	13/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh/ Quang Ninh Provincial Department of Finance	Khu phố Hà Khẩu 2, đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ Ha Khau 2 Residential Quarter, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
51.	Công ty Cổ phần Từ Liêm/ <i>Tu Liem JSC.</i>			0101405475	13/05/2021	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 489, Km8, QL 21B, Xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>No. 489, Km8, National Highway 21B, Binh Minh Commune, Hanoi, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
52.	Công ty Cổ phần 382 Đông Anh/ <i>382 Dong Anh JSC.</i>			0101412313	28/04/2021	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Tổ 35, Xã Đông Anh, TP Hà Nội/ <i>Group 35, Dong Anh Commune, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
53.	Công ty Cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng/ <i>Huu Hung Ceramic Construction JSC.</i>			0100107243	28/12/2024	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Đường Chùa Tổng, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội/ <i>Chua Tong Street, An Khanh Commune, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
54.	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long/ <i>Viglacera Ha Long Trading One Member Co., Ltd.</i>			5701704733	28/04/2014	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province</i>	Khu 2 đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Zone 2, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
55.	Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera/ <i>Viglacera Brick Clinker JSC.</i>			5701409576	25/06/2010	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province</i>	Cụm Công nghiệp Kim Sen, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Kim Sen Industrial Cluster, Mao Khe Ward, Quang Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
56.	Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera/ <i>Viglacera Consulting JSC.</i>			0100106722	22/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 57, phố Vĩnh Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội/ <i>No. 57, Vinh Phuc Street, Ngoc</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							<i>Ha Ward, Hanoi</i>				
57.	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ/ <i>Viglacera Yen My Industrial Park Development JSC. – Hung Yen</i>			0900995414	10/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ <i>Hung Yen Provincial Department of Finance</i>	ĐH CN4 Khu công nghiệp Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ <i>ĐH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
58.	Công ty ViMariel – CTCP/ <i>ViMariel Company – JSC.</i>			201800507	18/03/2020	Bộ KH&ĐT/ <i>Ministry of Planning and Investment</i>	Khu A10 Đặc Khu phát triển Mariel, Cuba/ <i>Zone A10, Mariel Special Development Zone, Cuba</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
59.	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ/ <i>Phu My Ultra Clear Float</i>			3502329629	25/07/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lô B2, đường D3 Khu Công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước,				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Glass Co., Ltd.						TP. Hồ Chí Minh/ Lot B2, D3 Street, Phu My II Expanded Industrial Park, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City				
60.	Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc/ Viglacera Can Loc JSC.			3001324186	06/10/2010	BQL Khu kinh tế Vũng Áng/ Vung Ang Economic Zone Management Board	Lô CN15, khu CN Hạ Vàng, Xã Can Lộc, Hà Tĩnh/ Lot CN15, Ha Vang Industrial Park, Can Loc Commune, Ha Tinh Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary Đang làm thủ tục đóng Công ty sau tái cơ cấu/ Currently carrying out procedures for company dissolution following restructuring
61.	Công ty TNHH Thi công Hạ tầng Viglacera Yên			0901076445	08/04/2023	Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên/ Department of	ĐH-CN4 KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Mỹ/ Viglacera Yen My Infrastructure Construction Co., Ltd.					Planning and Investment of Hung Yen Province	Yên/ ĐH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province				
62.	Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên/ Viglacera Thai Nguyen JSC.			4601598818	25/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên/ Thai Nguyen Provincial Department of Finance	Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên/ Song Cong II Industrial Park Phase 2 Operations Building, Ba Xuyen Ward, Thai Nguyen Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
63.	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ Viglacera			0901129785	17/11/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Hung Yen Provincial Department of Finance	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ ĐH, Yen My Industrial, Yen My Commune,				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Hung Yen JSC						Hung Yen Province				
64.	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam/ <i>Vietnam Float Glass Co., Ltd.</i>			2300103345	19/06/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Quế Võ (Khu mở rộng), Phường Phương Liễu, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Que Vo Industrial Park (Expansion Area), Phuong Lieu Ward, Bac Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
65.	Công ty cổ phần Đầu tư Vihoco Tiên Dương/ <i>Vihoco Tien Duong Investment JSC.</i>			0111154703	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 14, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Hà Nội/ <i>14th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
66.	Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ/ <i>Viglacera Phu Tho JSC.</i>			2601132364	24/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Trung tâm điều hành KCN Phú Hà, phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Ha Industrial Park Operations Center, Phu Tho Ward, Phu Tho Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
67.	Công ty TNHH MTV Thiết bị vệ sinh Viglacera/ <i>Viglacera Sanitary Ware One Member Co., Ltd.</i>			0111244883	08/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội/ <i>1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
68.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/	116C019264 072C966888		0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi</i>	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường	16/07/2025			Công ty con/ <i>Subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	GELEX Investment Co., Ltd.					Department of Finance	Hải Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam				
69.	Công ty TNHH Felicitas/ Felicitas Co., Ltd.	116C019255 072C266888		0111192360	25/08/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 23th Floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	25/08/2025			Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
70.	Công đoàn CTCP Tập đoàn GELEX/ Trade Union	072C003546		39/QĐ-CL	03/02/1997	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam/ Vietnam General	Số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội/ No. 52 Le Dai				Công đoàn/ Trade Union

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	of GELEX Group JSC.					Conferderation of Labor	Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				

PHỤ LỤC 3/ ANNEX 3

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Head quarter address/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND) (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính) <i>Content, quantity, and total transaction value (VND) (including contracts approved under Article 167 of the 2020 Enterprise Law and other transactions, such as receiving dividends, capital contributions, etc., as summarized in the Financial statements)</i> (*)	Ghi chú <i>Note</i>
1.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("Hạ tầng GELEX")/ GELEX Infrastructure JSC. ("GELEX Infrastructure")	Công ty con/ <i>Subsidiary;</i> Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026)/ <i>Organization related to the BOD Member, General Director, Corporate Governance</i>	0107652657 ngày cấp 02/07/2026, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0107652657, issued on 02/07/2026, by Hanoi Department of Finance</i>	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025; <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025;</i> NQ số 09/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024; <i>Resolution No. 09/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024;</i> NQ số 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024. <i>Resolution No. 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> 1.404.008.214 GELEX cho vay/ <i>GELEX's lending</i> 4.476.000.000.000 GELEX thu hồi gốc cho vay/ <i>GELEX's collection of loan principal</i> 1.927.000.000.000 Lãi GELEX cho vay/ <i>Interest earned by GELEX from lending</i> 129.236.610.962 Hạ tầng GELEX cầm cố/thể chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ <i>GELEX Infrastructure</i> Số dư tại 30/06/2026/ <i>Balance as of 30/06/2026:</i> 120.500.000 cổ	

		Officer and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026)					pledged/mortgaged shares to secure GELEX's obligations	phần VGC/ 120,500,000 shares of VGC	
							GELEX thế chấp bất động sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ GELEX mortgages real estate to secure GELEX Infrastructure's obligations	Tòa nhà GELEX Tower 52 Lê Đại Hành/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh	
							GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Hạ tầng GELEX/ GELEX guarantees GELEX Infrastructure's loans	Số dư bảo lãnh VNĐ tại 30/06/2026/ Balance of VND guarantees as of 30/06/2026:	
								8.175.542.325.000	
							GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Infrastructure	Số dư tại 30/06/2026/ Balance as of 30/06/2026: 168.125.000 cổ phần GELEX Electric/ 168,125,000 shares of GELEX Electric	
								45.000.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm chung cho nghĩa vụ của GELEX Electric và Hạ tầng GELEX/ 45,000,000 shares of GELEX Electric serve as a joint security for the obligations of both	

							GELEX Electric and GELEX Infrastructure GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees obligations under GELEX Infrastructure's share purchase agreements</i> Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Hạ tầng và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ <i>Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Infrastructure and the transferee party</i>	
2.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("GELEX Electric")/ <i>GELEX Electricity JSC. ("GELEX Electric")</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary;</i> Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026)/ <i>Organization related to the BOD Member and Deputy Director (dismissed from 01/04/2026)</i>	0107547109, ngày cấp 26/05/2025, Sở Tài chính TP Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0107547109, issued on 26/05/2025, by Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	6 tháng năm 2026) / <i>6 months of Year 2026</i>	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025; <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025;</i> NQ số 09/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024; <i>Resolution No. 09/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024;</i> NQ số 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024. <i>Resolution No. 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> Thu chi hộ dịch vụ phần mềm, chi phí truyền thông/ <i>Payment on behalf for software services, communication costs</i> Cổ tức GELEX nhận được/ <i>Dividends received by GELEX</i> GELEX Electric cầm cố/thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ <i>GELEX Electric pledges/mortgages shares to secure GELEX's obligations</i> 1.740.539.601 5.068.690.248 938.232.180.000 Số dư tại 30/06/2026/ <i>Balance at 30/06/2026:</i> 22.200.000 cổ phần CADIVI/ <i>22,200,000 shares of CADIVI</i>	

							18.000.000 cổ phần THIBIDI/ 18,000,000 shares of THIBIDI	
						GELEX bảo lãnh cho số dư hạn mức tín dụng của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees the credit limit balance for GELEX Electric</i>	Số dư bảo lãnh VNĐ tại 30/06/2026/ <i>Balance of VND guarantees as of 30/06/2026:</i> 10.900.566.225	
						GELEX bảo lãnh cho khoản vay dài hạn của GELEX Electric / <i>GELEX guarantees GELEX Electric 's long-term loans</i>	Số dư bảo lãnh VNĐ tại 30/06/2026/ <i>Balance of VND guarantees as of 30/06/2026:</i> 1.067.269.600.000	
						GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của GELEX Electric/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Electric</i>	Số dư tại 30/06/2026/ <i>Balance as of 30/06/2026:</i> 1.500.000 cổ phần GELEX ELECTRIC/ <i>1,500,000 shares of GELEX ELECTRIC</i>	
							45.000.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm chung cho nghĩa vụ của GELEX Electric và Hạ tầng GELEX/ <i>45,000,000 shares of GELEX Electric serve as a joint security for the</i>	

							<i>obligations of both GELEX Electric and GELEX Infrastructure</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees obligations under the share purchase agreement of GELEX Electric</i> Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa GELEX Electric và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ <i>Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Electric and the transferee party</i>	
3.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("CADIVI") / <i>Vietnam Electric Cable Corporation</i> ("CADIVI")	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary;</i> Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ <i>Organization related to the BOD Member</i>	0300381564, cấp ngày 13/01/2026, nơi cấp Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0300381564, issued on 13/01/2026, by Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh/ <i>70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	6 tháng năm 2026) / <i>6 months of Year 2026</i>	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> 1.603.800.000 GELEX mua dịch vụ/ <i>GELEX's purchase of services</i> 1.194.197.580 GELEX đi vay/ <i>GELEX's drawdown of borrowing</i> 200.000.000.000 GELEX trả tiền vay/ <i>GELEX's loan repayment</i> 200.000.000.000 Lãi GELEX đi vay/ <i>Interest expense by GELEX on loans</i> 2.429.041.096	

4.	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	2301270370, cấp ngày 21/10/2025, Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ Enterprise Registration Certificate No. 2301270370, issued on 21/10/2025, by Bac Ninh Provincial Department of Finance	Lô D 1-3 Khu công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Lot D 1-3, Dai Dong Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services	4.679.500.401	
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("THIBIDI") / Electrical Equipment JSC. ("THIBIDI")	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary Tổ chức có liên quan tới Người phụ trách quản trị công ty/ Organization related to Corporate Governance Officer	3600253826, ngày cấp 04/01/2024, Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ Enterprise Registration Certificate No. 3600253826, issued on 04/01/2024, by Department of Planning and Investment of Dong Nai Province	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025; Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025; NQ số 59/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 59/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	Doanh thu GELEX bán hàng hóa/ GELEX's revenue from sale of goods GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services GELEX đi vay/ GELEX's drawdown of borrowing GELEX trả tiền vay/ GELEX's loan repayment Lãi GELEX đi vay/ Interest expense by GELEX on loans	67.403.750.936 511.200.000 300.000.000.000 400.000.000.000 10.827.945.207	
6.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	0100100456, ngày cấp 07/01/2026, nơi cấp Sở Tài	Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà	6 tháng năm 2026) / 6 months of	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025.	GELEX đi vay/ GELEX's drawdown of borrowing	60.000.000.000	

	Hà Nội ("HEM")/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. ("HEM")		Chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0100100456, issued on 07/01/2026, by Hanoi Department of Finance	Nội/ Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi	Year 2026	Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	GELEX trả tiền vay/ GELEX's loan repayment Lãi GELEX đi vay/ Interest expense by GELEX on loans	60.000.000.000 3.940.657.534	
7.	Công ty TNHH S.A.S- CTAMAD ("S.A.S- CTAMAD ")/ S.A.S- CTAMAD Co., Ltd. ("S.A.S- CTAMAD ")	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc/ Organization related General Director	1018/GP cấp ngày 26/02/2020, nơi cấp Bộ KH&ĐT/ License No. 1018/GP issued on 26/02/2020, by the Ministry of Planning and Investment	44 B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ 44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ- HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services GELEX mua hàng hóa và dịch vụ/ GELEX's purchases goods and services	1.090.500.000 2.120.181.961	
8.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/04/2026/ Organization related to Deputy General Director until 01/04/2026	0108453005, ngày cấp 27/10/2025, nơi cấp Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0108453005, issued on 27/10/2025, by Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ- HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services GELEX trả tiền vay/ GELEX's loan repayment Lãi GELEX đi vay/ Interest expense by GELEX on loans Thu chi hộ chi phí truyền thông/ Payment on behalf for communication costs	6.154.951.643 225.000.000.000 3.496.178.081 4.000.000.000	

9.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")/ CFT Vina Copper Co., Ltd. ("CFT")	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	3600241669 cấp ngày 14/07/2025, Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Enterprise Registration Certificate No. 3600241669, issued on 14/07/2025, by Dong Nai Provincial Department of Finance	Đường D3-3, KCN Long Đức, Xã Bình An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ D3-3 Street, Long Duc Industrial Park, Binh An Commune, Dong Nai Province, Vietnam	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025; Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025; NQ số 59/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 59/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	Doanh thu GELEX bán hàng hóa/ GELEX's revenue from sale of goods 3.369.407.634.688 GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services 174.000.000 GELEX bảo lãnh cho hạn mức tín dụng được các Ngân hàng cấp cho CFT/ GELEX guarantees credit limits provided to CFT by banks Số dư bảo lãnh VND tại 30/06/2026/ Balance of VND guarantees as of 30/06/2026: 1.282.951.924.526 VND	
10.	Công ty TNHH Công nghiệp vật liệu GELEX (tên cũ là Công ty TNHH Phát điện GELEX) / GELEX Material Industry Co., Ltd. (Formerly known as GELEX Power Generation Co., Ltd.)	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	0107919237, ngày cấp 14/05/2026, Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0107919237, issued on 14/05/2026, by Department of Planning and Investment of Hanoi City	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025; Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025; NQ số 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024. Resolution No. 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024.	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services 637.877.758 GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Phát điện GELEX/ GELEX guarantees obligations under the share purchase agreement of GELEX Power Generation Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Phát điện GELEX và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Power Generation and the transferee party	
11.	Công ty Cổ phần Mua	Công ty con gián tiếp/	0109975082, ngày cấp	Số 52 Phố Lê Đại	6 tháng năm	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025.	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's	662.501.329

	bán điện GELEX ("Mua bán điện GELEX")/ GELEX Electricity Trading JSC. ("GELEX Electricity Trading")	Indirect subsidiary	14/03/2025, Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0109975082, issued on 14/03/2025, by Department of Planning and Investment of Hanoi City	Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	2026) / 6 months of Year 2026	Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	revenue from rendering services	
12.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE ("MEE")/ MEE Power Transform er Manufactu ring JSC. ("MEE")	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	0106061404, ngày cấp 15/10/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0106061404, issued on 15/10/2025, by Hanoi Department of Finance	Số 69, tổ 15, xã Phúc Thịnh, Hà Nội/ No. 69, Group 15, Phuc Thinh Commune, Hanoi	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ- HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services 106.800.000 GELEX đi vay/ GELEX's drawdown of borrowing 100.000.000.000 GELEX trả tiền vay/ GELEX's loan repayment 50.000.000.000 Lãi GELEX đi vay/ Interest expense by GELEX on loans 611.506.849	
13.	Công ty TNHH Icapital/ Icapital Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT/ Organization related to the BOD Member cum Chairman of Audit Committee	0109602644, cấp ngày 20/04/2021, Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0109602644, issued on 20/04/2021, by Department of	Tầng 10, Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 10 th floor, GELEX	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ- HĐQT ngày 30/12/2025. Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services 182.280.791	

			<i>Planning and Investment of Hanoi City</i>	<i>Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>				
14.	Công ty TNHH Gelex Technology / <i>Gelex Technology Company Ltd.</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i> Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/04/2026/ <i>Organization related to Deputy General Director until 01/04/2026</i>	0111088088, cấp ngày 11/11/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0111088088, issued on 11/11/2025, by Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>23 Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> 499.626.048 GELEX nhận tiền đặt cọc thuê văn phòng/ <i>GELEX receives a security deposit for office lease</i> 75.017.250 GELEX hoàn tiền cọc thuê văn phòng/ <i>GELEX refunds the office lease deposit</i> 297.282.645	
15.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i> Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ <i>Organization related to General Director and Director of the Finance and Accounting Department</i>	0111128855, cấp ngày 16/07/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0111128855, issued on 16/07/2025, by Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ <i>8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.</i>	GELEX cho vay/ <i>GELEX's lending</i> 533.500.000.000 GELEX thu hồi gốc cho vay/ <i>GELEX's loan principal collection</i> 215.000.000.000 Lãi GELEX cho vay/ <i>GELEX's loan interest income</i> 7.316.613.695	

16.	Tổng Công ty Viglacera – CTCP/ <i>Viglacera Company – JSC.</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i> Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ <i>Organization related to the BOD Member</i>	0100108173, ngày cấp 07/10/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0100108173, issued on 07/10/2025 by Hanoi Department of Finance.</i>	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ <i>16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>	6 tháng năm 2026) / <i>6 months of Year 2026</i>	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i>	2.075.220
17.	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT/ <i>FPT Telecom JSC.</i>	Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/04/2026/ <i>Organization related to Deputy General Director until 01/04/2026</i>	0101778163, ngày cấp: 28/07/2005, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No 0101778163 issued on 28/07/2005, by the Hanoi Department of Planning and Investment.</i>	Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam/ <i>2nd Floor, FPT Cau Giay Building, 17 Duy Tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam</i>	6 tháng năm 2026) / <i>6 months of Year 2026</i>	NQ số 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025. <i>Resolution No. 57/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 30/12/2025.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> GELEX mua dịch vụ/ <i>GELEX's purchase of services</i>	3.581.340 41.109.092

(*) Đối với các bên không còn là bên liên quan, nội dung và tổng giá trị giao dịch nêu bên trên được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan.

For parties that are no longer related parties, the content and total transaction value mentioned above are calculated up to the point before they ceased to be related parties.

PHỤ LỤC 4/ ANNEX 4

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT/ TRANSACTION BETWEEN INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS AND THE COMPANY'S SUBSIDIARIES IN WHICH THE COMPANY TAKES CONTROLLING POWER

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationshi p with internal persons	Chức vụ tại CTNY Positti on at the listed Comp any	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./ Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch Time of transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng) Content, quantity, total transaction value (VND) (*)	Ghi chú Note
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam/ Vietnam Electric Cable Corporation	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary; Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ Organizati on related to the BOD Member			70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 70- 72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC. (**)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Thu hộ chi hộ/ Collection and payment on behalf 254.807.619 Cổ tức công bố/ Dividends declared 837.268.575.000	
						Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services 390.362.369.462 Lợi nhuận được chia/ Distributed profits 150.000.000.000	

							Mua tài sản cố định/ <i>Purchase of assets</i>	637.967.883	
						Công ty Cổ phần Thiết bị Điện/ <i>Electrical Equipment JSC. (**)</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	238.355.000
						Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/ <i>CFT Vina Copper Co., Ltd</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	3.403.944.061.545
						Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ <i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (**)</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Cổ tức/ <i>Dividends</i>	91.356.000
2.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ <i>GELEX Electricity JSC.</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary;</i> Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026			Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX Infrastructure JSC. (**)</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Cho vay/ <i>Lending activities</i> Thu hồi gốc vay/ <i>Loan principal collection</i> Lãi cho vay/ <i>Interest earned from lending</i>	200.000.000.000 700.000.000.000 9.737.260.275
						Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ <i>EMIC</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and services</i>	36.076.175.311

						Electrical Measuring Instrument JSC. (**)		Mua hàng hóa và dịch vụ/ Purchases of goods and services	107.205.564.820	
								Thu hộ chi hộ/ Collection and payment on behalf	220.939.158	
								Cổ tức nhận được/ Dividend received	94.495.800.000	
						Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/ CFT Vina Copper Co., Ltd.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Thu hộ chi hộ/ Collection and payment on behalf	353.018.809	
						Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện/ Electrical Equipment JSC. (**)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	156.759.676.034	
								Cổ tức nhận được/ Dividend received	95.717.244.000	
								Thu hộ chi hộ/ Collection and payment on behalf	24.267.391	
						Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (**)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Thu chi hộ/ Payment on behalf	3.033.424	
								Cổ tức nhận được/ Dividends received	23.747.932.800	

						Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX Electricity Trading JSC. 6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026 Thu chi hộ/ Payment on behalf 3.033.424 Cho vay/ Lending activities 6.000.000.000 Lãi cho vay/ Interest earned from lending 7.150.685	
					Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC. 6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026 Doanh thu bán hàng hóa/ Revenue from sales of goods 104.516.697.301 Thu chi hộ/ Payment on behalf 12.133.696		
					Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd. 6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026 Thu chi hộ/ Payment on behalf 9.100.273		
					Công ty TNHH Đầu tư Gelex/ Gelex Invest Company Limited (**) 6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026 Cho vay/ Lending activities 381.094.364.291 Thu hồi gốc vay/ Loan principal collection 35.000.000.000 Lãi cho vay/ Interest earned from lending 41.223.648.753		
					Công ty TNHH Công nghiệp vật liệu GELEX (tên cũ là Công ty TNHH Phát 6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026 Thu chi hộ/ Payment on behalf 3.033.424		

						điện GELEX) / GELEX Material Industry Co., Ltd. (Formerly known as GELEX Power Generation Co., Ltd.)			
3.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC	Công ty con/ Subsidiary; Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026)/ Organizati on related to the BOD Member, General Director, Corporate Governanc			GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Công ty TNHH Công nghiệp vật liệu GELEX (tên cũ là Công ty TNHH Phát điện GELEX) / GELEX Material Industry Co., Ltd. (Formerly known as GELEX Power Generation Co., Ltd.)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Đi vay/ Drawdown of borrowing Lãi đi vay/ Interest	465.000.000.000 12.306.575.343
						Công ty TNHH FIH (Vietnam)/ FIH (Vietnam) Company Limited (*)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Góp vốn/ Capital contribution	4.574.860.000.000
						Công ty TNHH Titan Corporation/ Titan Corporation Ltd.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Góp vốn/ Capital contribution	31.752.000.000

		e Officer and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026)				Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên/ Viglacera Thai Nguyen JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Cổ tức nhận được/ Dividends received	16.920.000.000	
						Công ty TNHH Đầu tư Gelex/ Gelex Invest Company Limited (**)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Đi vay/ Drawdown of borrowing Lãi vay/ Interest	1.695.000.000.000 38.309.178.083	
						Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ Titan Hai Phong JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Góp vốn/ Capital contribution	900.018.000.000	
4.	Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.	Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/04/2026 / Organizati on related to Deputy General Director until 01/04/2026			Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC.	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/04/2026	Doanh thu bán hàng/ Revenue from sales of goods	310.681.800	
						Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX Electricity Trading JSC.	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/04/2026	Doanh thu bán hàng/ Revenue from sales of goods	171.671.350	
						Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên/ GELEX Hung Yen Electricity Trading JSC.	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/04/2026	Doanh thu bán hàng/ Revenue from sales of goods	30.872.550	

						Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp và Truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	3.795.566.095	
5.	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD/ S.A.S.-CTAMAD Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc/ Organization related to General Director			44 B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ 44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi	Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Cổ tức công bố/ Dividends declared	54.589.500.000	
						Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam/ Vietnam Electric Cable Corporation	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	73.435.800	
6.	Công ty TNHH Đầu tư Gelex/ Gelex Invest Company Limited	Công ty con/ Subsidiary; Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Giám đốc Ban Tài chính kế toán/ Organization related to General			Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC (**)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Đi vay/ Drawdown of borrowing	45.000.000.000	
						Công ty TNHH Felicitas/ Felicitas	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Lãi vay/ Interest	1.223.999.999	
								Đi vay/ Drawdown of borrowing	522.346.389.567	
								Trả gốc vay/ Repayment of borrowing	481.500.000.000	

		Director and Director of the Finance and Accounting Department				Company Limited (**)		Lãi vay/ Interest	47.131.276.381	
						Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ Titan Hai Phong JSC	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Đi vay/ Drawdown of borrowing	900.000.000.000	
								Trả gốc vay/ Repayment of borrowing	900.000.000.000	
								Lãi cho vay/ Interest earned from lending	1.223.999.999	
7.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC.	Tổ chức có liên quan tới Người phụ trách quản trị công ty/ Organisation related to Corporate Governance Officer			Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province	Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC (**)	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Mua hàng hóa và dịch vụ/ Purchase of goods and services	118.800.000	
						Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Mua hàng hóa và dịch vụ/ Purchase of goods and services	12.545.546.310	

						Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/ <i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ <i>Revenue from sales of goods and services</i> 34.049.700.000	
						Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ <i>GELEX Electricity Trading JSC.</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ <i>Revenue from sales of goods and services</i> 3.451.064.000	
						Công ty TNHH Kinh doanh Gạch Ốp lát (trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera)/ <i>Viglacera Ceramic Tiles Trading Co., Ltd. (Formerly known as Viglacera</i>	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ <i>Revenue from sales of goods and services</i> 39.174.310	

						Ceramic Tiles Trading JSC.)			
						Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Mua hàng hóa và dịch vụ/ Purchase of goods and services 203.300.000 Thu chi hộ/ Payment on behalf 178.018.116	

(*) Đối với các bên không còn là bên liên quan, nội dung và tổng giá trị giao dịch nêu bên trên được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan.

For parties that are no longer related parties, the content and total transaction value mentioned above are calculated up to the point before they ceased to be related parties.

(**) Giao dịch giữa bên liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát mà các công ty này đồng thời là bên liên quan của người nội bộ thì giao dịch được kê khai một lần và không kê khai trùng lặp.

Transactions between related parties of the internal person and subsidiaries or companies controlled by the company, which are also related parties of the internal person, are disclosed once and not duplicated.

PHỤ LỤC 5/ ANNEX 5

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO)/ TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY THAT ITS MEMBERS OF BOD, THE BOARD OF SUPERVISORS, DIRECTOR (GENERAL DIRECTOR) AND OTHER MANAGERS HAVE BEEN FOUNDING MEMBERS OR MEMBERS OF BOD, OR DIRECTOR (GENERAL DIRECTOR) IN THREE (03) LATEST YEARS (AS OF THE REPORT DATE)

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”) <i>Vietnam Electric Cable Corporation (“CADIVI”)</i>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT <i>Indirect subsidiary – Organization related to a member of the BOD</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX mua dịch vụ/ <i>GELEX purchases services</i> GELEX đi vay và trả gốc, lãi vay/ <i>GELEX borrows funds, pays loan principal and loan interest</i>
2.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”) <i>Electrical Equipment JSC. (“THIBIDI”)</i>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Người phụ trách quản trị Công ty <i>Indirect subsidiary – Organization related to Corporate Governern Officer</i>	GELEX bán hàng hóa cho THIBIDI/ <i>GELEX sells goods to THIBIDI</i> GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX đi vay và trả gốc, lãi vay/ <i>GELEX borrows funds, pays loan principal and loan interest</i>
3.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (“GELEX Electric”) <i>GELEX Electricity JSC. (“GELEX Electric”)</i>	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026)	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX thu chi hộ chi phí cho GELEX Electric/ <i>GELEX settles expenses on behalf of GELEX Electric</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
		<i>Subsidiary – Organization related to a member of the BOD and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026)</i>	GELEX Electric trả cổ tức cho GELEX/ <i>GELEX Electric pays dividends to GELEX</i> GELEX Electric cầm cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ <i>GELEX Electric pledges shares to secure GELEX's obligations</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay và số dư hạn mức tín dụng của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees loans and credit limit balance for GELEX Electric</i> GELEX cầm cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của GELEX Electric/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Electric</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees obligations under GELEX Electric's share purchase agreements</i>
4.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (“Hạ tầng GELEX”) <i>GELEX Infrastructure JSC. (“GELEX Infrastructure”)</i>	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026), Giám đốc Ban Tài chính Kế toán và Người phụ trách quản trị Công ty <i>Subsidiary – Organization related to members of the BOD, General Director, Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026), Director of the Finance and Accounting Department and Corporate Governern Officer</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX cho vay, thu hồi gốc vay, thu lãi vay/ <i>GELEX lends capital, collects principal and collects loan interest</i> Hạ tầng GELEX cầm cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ <i>GELEX Infrastructure pledges shares to secure GELEX's obligations</i> GELEX thế chấp bất động sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
			<i>mortgages real estate to secure GELEX Infrastructure's obligations</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees GELEX Infrastructure's loans</i> GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Infrastructure</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees obligations under GELEX Infrastructure's share purchase agreements</i>
5.	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD (“S.A.S-CTAMAD”) <i>S.A.S.-CTAMAD CO., LTD. (“S.A.S-CTAMAD”)</i>	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc <i>Organization related to General Director</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>GELEX purchases goods and services</i>
6.	Công ty TNHH ICAPITAL <i>ICAPITAL Co., Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT <i>Organization related to member of the BOD cum Chairman of Audit Committee</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i>
7.	Công ty Cổ phần Thiết bị công nghiệp GEIC <i>GEIC Industry Equipment JSC.</i>	Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) đến ngày 30/09/2025	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
		Organization related to Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026) until 30/09/2025	
8.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.	Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) Organization related to Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026)	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX renders services GELEX thu chi hộ chi phí cho EMIC/ GELEX settles expenses on behalf of EMIC GELEX trả tiền vay và lãi đi vay/ GELEX pays loan principal and loan interest
9.	Công ty Cổ phần Chế tạo điện Cơ Hà Nội ("HEM") Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. ("HEM")	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài chính Kế toán đến ngày 15/04/2026 Indirect subsidiary - Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department until 15/04/2026	GELEX đi vay, trả tiền vay và lãi đi vay/ GELEX borrows funds, pays loan principal and loan interest
10.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) đến ngày 14/09/2025 Organization related to General Director and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026) until 14/09/2025	GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ GELEX guarantees the loan

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
11.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh) <i>Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to General Director and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026) until 14/09/2025</i>	GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
12.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh) <i>Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to General Director and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026) until 14/09/2025</i>	GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
13.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hung Yên) <i>Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to General Director and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026) until 14/09/2025</i>	GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
14.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh) <i>Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to General Director and Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026) until 14/09/2025</i>	GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
15.	Công ty TNHH Gelex Technology <i>Gelex Technology Company Ltd.</i>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) <i>Indirect subsidiary – Organization related to Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026)</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX nhận tiền đặt cọc và hoàn tiền cọc thuê văn phòng/ <i>GELEX receives and refunds office lease deposit</i>
16.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc và Giám đốc Ban Tài chính Kế toán <i>Indirect subsidiary - Organization related to General Director and Director of the Finance and Accounting Department</i>	GELEX cho vay, thu hồi gốc vay, thu lãi vay/ <i>GELEX lends capital, collects principal and collects loan interest</i>
17.	Tổng Công ty Viglacera – CTCP/ <i>Viglacera Company - JSC</i>	Công ty con gián tiếp- Tổ chức có liên quan tới thành viên HĐQT	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
		<i>Indirect subsidiary - Organization related to a member of the BOD</i>	
18.	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT/ <i>FPT Telecom JSC</i>	Tổ chức có liên quan tới Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01/04/2026) <i>Organization related to Deputy General Director (dismissed from 01/04/2026)</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>GELEX purchases goods and services</i>

PHỤ LỤC 6/ ANNEX 6

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/
THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Nguyễn Trọng Hiền/ Nguyen Trong Hien		Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)/ Chairman of the Board of Directors (Independent member of the BOD) (**)					2.671.200	0,30%	(**) Ông Nguyễn Trọng Hiền không còn là Người nội bộ của Công ty do không còn là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2026/ Mr. Nguyen Trong Hien is no longer the Internal person of the Company due to no longer Chairman of the BOD, Member of the BOD from 01/04/2026
1.01	Trần Thị Thu Hà/ Tran Thi Thu Ha							0	0,00%	
1.02	Nguyễn Trà My/ Nguyen Tra My							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.03	Nguyễn Trà Giang/ Nguyen Tra Giang							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
1.04	Nguyễn Trọng Danh/ Nguyen Trong Danh							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
1.05	Nguyễn Trọng Thu/ Nguyen Trong Thu							0	0,00%	Đã mất/ Passed away
1.06	Bùi Thị Xuân/ Bui Thi Xuan							0	0,00%	
1.07	Nguyễn Thị Phương Thảo/ Nguyen Thi Phuong Thao							0	0,00%	
1.08	Nguyễn Thị Thanh Lương/ Nguyen Thi							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Thanh Luong									
1.09	Lê Khánh Tân/ Le Khanh Tan							0	0,00%	
1.10	Nguyễn Hoài Bắc/ Nguyen Hoai Bac							0	0,00%	
1.11	Trần Đình Tinh/ Tran Dinh Tinh							0	0,00%	
1.12	Lê Thị Viêm/ Le Thi Viem							0	0,00%	
1.13	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Viglacera Corporation – JSC.			0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Hiên không còn là thành viên HĐQT của Tổng công ty Viglacera – CTCP từ ngày 25/04/2026/ Mr. Nguyen Trong Hien is no longer Member of the BOD of Viglacera Corporation – JSC. from 25/04/2026
2	Nguyễn Văn Tuấn/ Nguyen Van Tuan		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the BOD (**)					309.183.198	23,63%	(**) Ông Nguyễn Văn Tuấn được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT, đồng thời không còn là Tổng

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2026/ Mr. Nguyen Van Tuan is appointed to be Chairman of the BOD and no longer General Director of the Company from 01/04/2026
2.01	Đào Thị Lơ/ Dao Thi Lo							57.228.596	4,37%	
2.02	Dương Quang Sơn/ Duong Quang Son							0	0,00%	
2.03	Nguyễn Thị Kim Loan/ Nguyen Thi Kim Loan							0	0,00%	
2.04	Dương Thị Hồng Hạnh/ Duong Thi Hong Hanh							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.05	Nguyễn Linh Nga/ Nguyen Linh Nga							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
2.06	Nguyễn Minh Anh/ Nguyen Minh Anh							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
2.07	Nguyễn Minh Khôi/ Nguyen Minh Khoi							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
2.08	Nguyễn Hải Minh/ Nguyen Hai Minh							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.09	Vũ Thị Lệ/ Vu Thi Le							0	0,00%	
2.10	Nguyễn Thị Tâm/ Nguyen Thi Tam							0	0,00%	
2.11	Lê Đình Thương/ Le Dinh Thuong							0	0,00%	
2.12	Nguyễn Thị Tuyết/ Nguyen Thi Tuyet							0	0,00%	
2.13	Đặng Duy Hải/ Dang Duy Hai							0	0,00%	
2.14	Công ty TNHH MTV Đầu Tư GEX/ GEX Investment	077C095959 105C608583 057C109090 033C100313 021C086788 004C664325		4601290653	28/04/2016	Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên/ Department of Planning and Investment of	Tổ 4, phường Linh Sơn, Thái Nguyên/ Group 4, Linh Son Ward, Thai Nguyen Province	0	0,00%	Người sở hữu phần vốn chi phối tại TNHH MTV Đầu tư GEX là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn Tuấn/ The

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	One Member Co., Ltd.	091C158686 048C036686 081C256868 116C290653 093C048504 009C181500 002C127656 022C696699 TPBB000204				Thai Nguyen Province				controlling shareholder of GEX Investment One Member Co., Ltd. is Mr. Nguyen Van Tuan's mother Công ty đã hoàn thành thủ tục giải thê/ The company completed the dissolution procedures
2.15	Công ty Cổ phần FTG Việt Nam/ FTG Vietnam JSC.	072C560888		0106114494	07/04/2020	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Tầng 4, K3, CT2, 536A Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội/ 4th Floor, K3, CT2, 536A Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi	0	0,00%	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FTG Việt Nam là anh rể của ông Nguyễn Văn Tuấn/ FTG Vietnam JSC.'s General Director is Mr. Nguyen Van Tuan's brother-in-law
3	Lương Thanh Tùng/ Luong Thanh Tung		Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên UBKT/ Vice Chairman of BOD, Member of Audit Committee					3.873.240	0,30%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.01	Lương Tuấn Kiêm/ Luong Tuan Kiem							0	0,00%	
3.02	Diệp Thị Mão/ Diep Thi Mao							0	0,00%	
3.03	Hoàng Thị Nhưng/ Hoang Thi Nhưng							0	0,00%	
3.04	Lương Huyền Trang/ Luong Huyen Trang							0	0,00%	
3.05	Lương Hoàng Minh/ Luong Hoang Minh							0	0,00%	
3.06	Lương Hoàng Diệp Linh/ Luong Hoang Diep Linh							0	0,00%	
3.07	Lương Hồng Nhưng/ Luong Hong Nhưng							362	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.08	Nguyễn Quang Phú/ Nguyen Quang Phu							0	0,00%	
3.09	Nguyễn Thị Thơm/ Nguyen Thi Thom							0	0,00%	
3.10	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	02/07/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lương Thanh Tùng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ Mr. Luong Thanh Tung is Vice Chairman cum General Director of the BOD of GELEX Infrastructure JSC.
3.11	Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn/ Long Son Petroleum Industrial Park	072C003236		3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67, Nguyen Thi Minh Khai Street,	0	0,00%	Ông Lương Thanh Tùng là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn/ Mr. Luong Thanh Tung is the Chairman of the BOD of Long Son Petroleum

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Investment JSC.						Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam			Industrial Park Investment JSC.
4	Lê Bá Thọ/ Le Ba Tho		Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the BOD					1.218.000	0,09%	
4.01	Lê Bá Tọa/ Le Ba Toa							0	0,00%	Đã mất/ Passed away
4.02	Lê Thị Vinh/ Le Thi Vinh							0	0,00%	
4.03	Bùi Lợi/ Bui Loi							0	0,00%	
4.04	Lê Thị Hoa/ Le Thi Hoa							0	0,00%	
4.05	Bùi Thị Tường Vy/ Bui Thi Tuong Vy							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.06	Lê Bá Khang/ <i>Le Ba Khang</i>							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
4.07	Lê Gia An/ <i>Le Gia An</i>							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
4.08	Lê Bá Phúc/ <i>Le Ba Phuc</i>							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
4.09	Lê Thị Duyệt/ <i>Le Thi Du</i>							0	0,00%	
4.10	Lê Thị Dung/ <i>Le Thi Dung</i>							0	0,00%	
4.11	Lê Thị Thu/ <i>Le Thi Thu</i>							0	0,00%	
4.12	Lê Thị Hồng/ <i>Le Thi Hong</i>							0	0,00%	
4.13	Đỗ Đăng Hùng/ <i>Do Dang Hung</i>							0	0,00%	
4.14	Nguyễn Bá Cường/							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Nguyen Ba Cuong									
4.15	Bùi Văn Huy/ Bui Van Huy							0	0,00%	
4.16	Bùi Thị Nga/ Bui Thi Nga							0	0,00%	
4.17	Bùi Thị Vân/ Bui Thi Van							0	0,00%	
4.18	Bùi Thị Thảo Phuong/ Bui Thi Thao Phuong							0	0,00%	
4.19	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Viglacera Corporation – JSC.	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ là thành viên HĐQT của Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Mr. Le Ba Tho is a member of the BOD of Viglacera Corporation – JSC.
4.20	Công ty CP Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC.	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	26/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ là Chủ tịch HĐQT của CTCP Điện lực GELEX/ Mr. Le Ba Tho is the Chairman of the BOD of GELEX Electricity JSC.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.21	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam/ Vietnam Electric Cable Corporation	003C300060 072C003003		0300381564	13/01/2026	Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ là Chủ tịch HĐQT của CTCP Dây cáp điện Việt Nam/ Mr. Le Ba Tho is the Chairman of the BOD of Vietnam Electric Cable Corporation
5	Đậu Minh Lâm/ Dau Minh Lam		Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT/ Independent member of the BOD cum Chairman of the Audit Committee					1.218.000	0,09%	
5.01	Trương Thị Luận/ Truong Thi Luan							0	0,00%	Đã mất/ Passed away
5.02	Phan Thị Thanh Thủy/ Phan Thi Thanh Thuy							0	0,00%	
5.03	Đậu Phan Bảo/ Dau Phan Bao							0	0,00%	
5.04	Đậu Minh Trà/ Dau Minh Tra							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
5.05	Phan Đình Nhiêm/ Phan Đình Nhiem							0	0,00%	
5.06	Dương Thị Thơ/ Duong Thi Tho							0	0,00%	
5.07	Đậu Minh Loan/ Dau Minh Loan							0	0,00%	
5.08	Hoàng Đức Long/ Hoang Duc Long							0	0,00%	
5.09	Đậu Minh Lương/ Dau Minh Luong							0	0,00%	
5.10	Công ty TNHH ICAPITAL/ ICAPITAL Co., Ltd.			0109602644	20/04/2021	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Tầng 10, Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 10 th floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	0	0,00%	Ông Đậu Minh Lâm là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH ICAPITAL/ Mr. Dau Minh Lam is Vice Chairman of the Members' Council of ICAPITAL Co., Ltd.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6	Nguyễn Thị Minh Giang/ Nguyen Thi Minh Giang		Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Member of the BOD					0	0,00%	
6.01	Nguyễn Minh Tiết/ Nguyen Minh Tiet							0	0,00%	
6.02	Đinh Thị Ngọc Hà/ Dinh Thi Ngoc Ha							0	0,00%	
6.03	Vũ Minh Quân/ Vu Minh Quan							0	0,00%	
6.04	Vũ Minh Thư/ Vu Minh Thu							0	0,00%	
6.05	Nguyễn Minh Nam/ Nguyen Minh Nam							0	0,00%	
6.06	H Kim Dung Kbuor/ H Kim Dung Kbuor							0	0,00%	
6.07	Công ty TNHH Newing/ Newing			0317505627	17/04/2023	Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh/ Department of Planning and Investment of	TS2.11.02, Tầng 11, Khu TS2, Tòa nhà The Tresor, 39- 39B Bến Vân Đồn, Phường Xóm	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Minh Giang là Tổng Giám đốc, đồng sáng lập, và sở hữu 70% phần

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Company Ltd.					Ho Chi Minh City	Chiều, Thành phố Hồ Chí Minh/ TS2.11.02, 11th Floor, TS2 Area, The Tresor Building, 39-39B Ben Van Don Street, Xom Chieu Ward, Ho Chi Minh City			vốn góp của Công ty TNHH Newing/ Ms. Nguyen Thi Minh Giang is the General Director, Co-founder, and holds 70% of the charter capital of Newing Company Ltd.
6.08	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Filmore/ Filmore Real Estate Development			0312169442	01/03/2013	Sở KH&ĐT TP, Hồ Chí Minh/ Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	357-359 An Dương Vương, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh/ 357-359 An Duong Vuong, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Minh Giang không còn là Thành viên HĐQT độc lập của Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Filmore/ Ms. Nguyen Thi Minh Giang is no longer Member of the BOD of Filmore Real Estate Development
7	Lê Tuấn Anh/ Le Tuan Anh		Tổng Giám đốc/ General Director (**)					415.642	0,03%	(**) Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/04/2026. Ông Lê Tuấn Anh không còn là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ 02/04/2026/ Mr. Le Tuan Anh is

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										appointed to be General Director of the Company from 01/04/2026. Mr. Le Tuan Anh is no longer to be the Authorized Information Disclosure Officer from 02/04/2026
7.01	Đỗ Ngọc Hà Trang/ Do Ngoc Ha Trang							0	0,00%	
7.02	Lê Mạnh Quân/ Le Manh Quan							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
7.03	Lê Đình Thương/ Le Dinh Thuong							0	0,00%	
7.04	Nguyễn Thị Tâm/ Nguyen Thi Tam							0	0,00%	
7.05	Đỗ Đức Hiếu/ Do Duc Hieu							0	0,00%	
7.06	Nguyễn Thị Ngọc/ Nguyen Thi Ngoc							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7.07	Lê Minh Đông/ <i>Le Minh Dong</i>							0	0,00%	Còn nhò chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
7.08	Lê Minh Kiên/ <i>Le Minh Kien</i>							0	0,00%	Còn nhò chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
7.09	Đỗ Hiếu Minh/ <i>Do Hieu Minh</i>							0	0,00%	
7.10	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	02/07/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ <i>GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ <i>Mr. Le Tuan Anh is the Chairman of the BOD of GELEX Infrastructure JSC.</i>
7.11	Công ty TNHH Titan Corporation/ Titan Corporation Ltd.			0317503404	20/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ Department of Planning and	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam,	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là thành viên HĐTV Công ty TNHH Titan Corporation/ <i>Mr. Le Tuan Anh is a</i>

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
						Investment of Hanoi City	TP Hà Nội/ Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City			member of the Members' Council of Titan Corporation Ltd.
7.12	Công ty TNHH S.A.S- CTAMAD/ S.A.S- CTAMAD Co., Ltd.			0100112324	26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Ministry of Planning and Investment	Số 44B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội/ 44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là thành viên HĐTV Công ty TNHH S.A.S- CTAMAD/ Mr. Le Tuan Anh is a member of the Members' Council of S.A.S.-CTAMAD Co., Ltd.
7.13	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ GELEX Investment Co., Ltd.			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8 th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là Chủ tịch công ty Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ Mr. Le Tuan Anh is Chairman of GELEX Investment Co., Ltd.
7.14	Công ty TNHH Felicitas/ Felicitas Co., Ltd.			0111192360	25/08/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 23th Floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung			Ông Lê Tuấn Anh là Chủ tịch công ty Công ty TNHH Felicitas/ Mr. Le Tuan Anh is Chairman of Felicitas Co., Ltd.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
							Ward, Hanoi, Vietnam			
7.15	Công ty TNHH Phát triển GELEX			0319587551	08/06/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Department of Finance of Ho Chi Minh City	Tầng 8, Tòa nhà CADIVI, số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 8th Floor, CADIVI Building, 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là Chủ tịch công ty Công ty TNHH Phát triển GELEX/ Mr. Le Tuan Anh is Chairman of GELEX Development Co., Ltd..
7.16	Công ty TNHH FIH (Vietnam) FIH/ (Vietnam) Co., Ltd.			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Department of Finance of Ho Chi Minh City	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là Thành viên HĐTV Công ty TNHH FIH kể từ ngày 18/5/2026 (Vietnam)/ Mr. Le Tuan Anh is a Member of the Members' Council of FIH (Vietnam) Co., Ltd. from 18/5/2026.
8	Nguyễn Hoàng Long/ Nguyen Hoang Long		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director (**)					242.550	0,027%	(**) Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Người nội bộ của Công ty do không còn là Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026/ Mr. Nguyen Hoang

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										Long is no longer Internal Person of the Company due to no longer the Deputy General Director from 01/04/2026
8.01	Phan Văn Cầu/ Phan Van Cau							0	0,00%	
8.02	Nguyễn Thị Thu Hiền/ Nguyen Thi Thu Hien							0	0,00%	
8.03	Phan Thị Vân Anh/ Phan Thi Van Anh							0	0,00%	
8.04	Nguyễn Khánh Chi/ Nguyen Khanh Chi							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
8.05	Nguyễn Nam Phong/ Nguyen Nam Phong							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
8.06	Nguyễn Thị Hà/ Nguyen Thi Ha							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.07	Nguyễn Thị Thủy Hoa/ Nguyen Thi Thuy Hoa							0	0,00%	
8.08	Phạm Huy Toàn/ Pham Huy Toan							0	0,00%	
8.09	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	02/07/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long là Phó Chủ tịch HĐQT/ Mr. Nguyen Hoang Long is the Vice Chairman of the BOD
8.10	Công ty TNHH Đầu tư BEL Capital/ BEL Capital Invest Co., Ltd.			0109453569	12/11/2020	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	52 Đường 3.8, KĐT Gamuda Gardens, phường Hoàng Mai, Hà Nội/ No. 52, 3.8 Street, Gamuda Gardens Urban Area, Hoang Mai Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đồng thời là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty/ Mr. Nguyen Hoang Long is the 100% owner of the charter capital and concurrently serves

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										as the Chairman and Director of BEL Capital Invest Co., Ltd.
8.11	Công ty TNHH FIH (Vietnam) FIH/ (Vietnam) Co., Ltd.			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Department of Finance of Ho Chi Minh City	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH FIH (Vietnam) kể từ ngày 18/05/2026/ Mr. Nguyen Hoang Long is no longer the General Director and Chairman of the Members' Council of FIH (Vietnam) Co., Ltd. from 18/05/2026
9	Nguyễn Trọng Trung/ Nguyen Trong Trung		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director					0	0,00%	(**) Ông Nguyễn Trọng Trung không còn là Người nội bộ của Công ty do không còn là Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/04/2026/ Mr. Nguyen Trong Trung is no longer Internal Person of the Company due to no longer the Deputy General Diretor from 01/04/2026

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.01	Nguyễn Trọng Thiệp/ Nguyen Trong Thiep							0	0,00%	
9.02	Hà Thị Thúy/ Ha Thi Thuy							0	0,00%	
9.03	Hà Thị Hạnh/ Ha Thi Hanh							0	0,00%	
9.04	Nguyễn Trọng Toàn/ Nguyen Trong Toan							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
9.05	Nguyễn Hà Lam Phuong/ Nguyen Ha Lam Phuong							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
9.06	Nguyễn Hà Lam Anh/ Nguyen Ha Lam Anh							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
9.07	Nguyễn Trọng Thắng/ Nguyen Trong Thang							183.758	0,02%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.08	Phạm Thị Hải Anh/ Pham Thi Hai Anh							0	0,00%	
9.09	Nguyễn Thị Thùy/ Nguyen Thi Thuy							0	0,00%	
9.10	Phùng Xuân Viện/ Phung Xuan Vien							0	0,00%	
9.11	Hà Tiên Lập/ Ha Tien Lap							0	0,00%	
9.12	Nguyễn Thị Ninh/ Nguyen Thi Ninh							0	0,00%	
9.13	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC.	003C210666 072C003888 036C668888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133		0107547109	26/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ Mr. Nguyen Trong Trung is a member of BOD, General Director of GELEX Electricity JSC.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.14	Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.			0108453005	27/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ Mr. Nguyen Trong Trung is a member of BOD of EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.
9.15	Công ty TNHH Gelex Technology/ Gelex Technology Company Ltd.			0111088088	11/11/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ 23 Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH Gelex Technology / Mr. Nguyen Trong Trung is Chairman of the Members' Council of Gelex Technology Company Ltd
9.16	Công ty cổ phần Viễn thông FPT/ FPT Telecom JSC.			0101778163	19/08/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội/ 2 nd floor, FPT Cau Giay Building, No. 17 Duy Tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi City	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông FPT/ Mr. Nguyen Trong Trung is a member of BOD of FPT Telecom JSC.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10	Bùi Đăng Khoa/ Bui Dang Khoa		Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ Director of the Finance and Accounting Department					163.937	0,01%	
10.01	Bùi Hồng Khanh/ Bui Hong Khanh							0	0,00%	
10.02	Phạm Thị Lợi/ Pham Thi Loi							0	0,00%	
10.03	Đoàn Thị Hoài Thu/ Doan Thi Hoai Thu							5.510	0,00%	
10.04	Bùi Doãn Bảo Phong/ Bui Doan Bao Phong							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
10.05	Bùi Doãn Hoàng Bách/ Bui Doan Hoang Bach							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.06	Bùi Ngọc Nghị/ Bui Ngoc Nghi							0	0,00%	
10.07	Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex/ GELEX Infrastructure JSC,	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	02/07/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Giám đốc Tài chính, kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex/ Mr. Bui Dang Khoa is CFO cum the Authorized Information Disclosure Officer of GELEX Infrastructure JSC.
10.08	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ Song Da Water Investment JSC.	0001220014 (VN Direct) 021C228915		5400310164	14/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Phu Tho Provincial Department of Finance	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the BOD of Song Da Water Investment JSC.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.09	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromech anical Manufacturi ng JSC.	072C066888		0100100456	07/01/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà Nội/ Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là không còn là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội từ 15/04/2026/ Mr. Bui Dang Khoa is no longer a member of the BOD of Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. from 15/04/2026
10.10	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.			3603058326	28/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Dong Nai Provincial Department of Finance	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 1, Long Thanh Industrial Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the Members' Council of CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.
10.11	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ GELEX Investment Co., Ltd.			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8 th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ Mr. Bui Dang Khoa is General Director of GELEX Investment Co., Ltd.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.12	Công ty TNHH G&F Residence/ G&F Residence Co., Ltd.			0319127272	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là thành viên HĐTV Công ty TNHH G&F Residence/ Mr. Bui Dang Khoa is a Member of the Members' Council of G&F Residence Co., Ltd.
10.13	Công ty TNHH FPMS (Vietnam)/ FPMS (Vietnam) Co.,Ltd.			0319217952	15/10/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐTV Công ty TNHH FPMS (Vietnam)/ Mr. Bui Dang Khoa is Member of the Members' Council of FPMS (Vietnam) Co., Ltd.
11	Hoàng Hưng/ Hoang Hung		Kế toán trưởng/ Chief Accountant					80.375	0,01%	
11.01	Hoàng Thế Thịnh/ Hoang The Thinh							0	0,00%	
11.02	Phạm Thị Ngân/ Pham Thi Ngan							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.03	Hoàng Hải/ Hoang Hai							0	0,00%	
11.04	Phi Ngọc Cầm/ Phi Ngoc Cam							0	0,00%	
11.05	Hoàng Minh Thành/ Hoang Minh Thanh							0	0,00%	
11.06	Hoàng Nhật Minh/ Hoang Nhat Minh							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
12.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền/ Nguyen Thi Ngoc Huyen		Người phụ trách quản trị công ty/ Corporate Governance Officer					0	0,00%	
12.01	Nguyễn Xuân Hiệp/ Nguyen Xuan Hiep							0	0,00%	
12.02	Nguyễn Thị Ngọc Hường/ Nguyen Thi Ngoc Huong							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.03	Nguyễn Xuân Huy/ Nguyen Xuan Huy							0	0,00%	
12.04	Lê Thúy An/ Le Thuy An							0	0,00%	
12.05	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	02/07/2026	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền là Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen is a member of the Supervisory Board of GELEX Infrastructure JSC.
12.06	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC.	005C222279 072C001210 021C253826		3600253826	04/01/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ Department of Planning and Investment of Dong Nai Province	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thiết bị điện / Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen is Head of the Electrical Equipment JSC.

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
13	Nguyễn Thị Phương/ Nguyen Thi Phuong		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized Information Disclosure Officer (**)					136.416	0,01%	(**) Bà Nguyễn Thị Phương là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ ngày 02/04/2026/ Ms. Nguyen Thi Phuong is the Authorized Information Disclosure Officer from 02/04/2026
13.01	Đặng Nguyễn Phương Trang/ Dang Nguyen Phuong Trang							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
13.02	Nguyễn Văn Lợi/ Nguyen Van Loi							0	0,00%	Đã mất/ Passed away
13.03	Phạm Thị Nhuận/ Pham Thi Nhuân							0	0,00%	
13.04	Nguyễn Thị Lương/ Nguyen Thi Luong							0	0,00%	
13.05	Phạm Văn Đông/ Pham Van Dong							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
13.06	Nguyễn Thị Lụa/ Nguyen Thi Lua							0	0,00%	
13.07	Nguyễn Thị Lệ/ Nguyen Thi Le							0	0,00%	
13.08	Lê Trọng Thủy/ Le Trong Thuy							0	0,00%	
13.09	Nguyễn Thị Lân/ Nguyen Thi Lan							0	0,00%	
13.10	Vũ Văn Hoàn/ Vu Van Hoan							0	0,00%	
13.11	Nguyễn Thị Cúc/ Nguyen Thi Cuc							0	0,00%	
13.12	Marcin Marcinczyk							0	0,00%	
13.13	Nguyễn Thành Luân/ Nguyen Thanh Luan							0	0,00%	
13.14	Phạm Thị Thảo/ Pham Thi Thao							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name		Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
14.	Công đoàn CTCP Tập đoàn GELEX/ Trade Union of GELEX Group JSC.	072C003546		39/QĐ-CL	03/02/1997	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam / Vietnam General Conferderation of Labor	Số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	1.867.931	0,14%	Công đoàn/ Trade Union

(*) Đối với các trường hợp không còn là người nội bộ/người liên quan của người nội bộ, số liệu nêu bên trên được ghi nhận đến trước thời điểm không còn là người nội bộ/người liên quan của người nội bộ/ For cases where individuals are no longer internal person/ internal persons' affiliated persons, the data mentioned above is recorded up to the time they ceased to be an internal person/ internal persons' affiliated persons.

